

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1371** /ĐLTKV-KTTC  
V/v: công bố BCTC bán niên năm 2020 sau soát xét

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP  
Trụ sở chính: Số 78 tòa nhà Sannam, ngõ 78 đường Duy Tân, phường Dịch  
Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Điện thoại: 04 35161605 Fax: 04 35161610

Người được ủy quyền công bố thông tin: ông Nguyễn Thế Hồng, Phó chánh  
Văn phòng, Thư ký HĐQT Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (theo Văn bản ủy  
quyền số 762/UQ-ĐLTKV ngày 05/5/2016).

Địa chỉ: SN 66 ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận  
Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Điện thoại: 0912 217 216

Số CMTND: 012029799 Ngày cấp: 16/5/1997 Nơi cấp: CA Hà Nội.

Email: hongnt@vinacompower.vn

- Loại công bố thông tin: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ  
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 sau soát  
xét cho kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn  
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã đăng ký.

Tài liệu đính kèm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như Kg;
- HĐQT, BKS TCTy (b/c);
- Các Phó TGD;
- Các ban: TC, KH, PCTT;
- VP (đăng Website TCT);
- Lưu VP, KTTC, H(12).

TỔNG GIÁM ĐỐC  
  
Ngô Trí Thịnh

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020  
và kết thúc vào ngày 30/06/2020



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 6
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ</b>	7 - 8
<b>3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 52

3134  
CÔNG  
ÁCH NH  
P  
VIỆ  
VH XU



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số số 85/QĐ-TTg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/07/2018 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng Công ty là 6.800.000.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông tại ngày 30/06/2020 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,68%
2	Cổ đông khác	2.191.500	0,32%
<b>Cộng</b>		<b>680.000.000</b>	<b>100%</b>

**2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Tổng Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch
- Ông Ngô Trí Thịnh	Ủy viên
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Ủy viên
- Ông Nguyễn Đức Pha	Ủy viên
- Ông Phạm Xuân Phong	Ủy viên



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành hoạt động của Tổng Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Chức vụ:

- |                         |                   |                         |
|-------------------------|-------------------|-------------------------|
| - Ông Ngô Trí Thịnh     | Tổng Giám đốc     |                         |
| - Ông Nguyễn Văn Hải    | Phó Tổng Giám đốc | (i) Đến ngày 01/03/2020 |
| - Ông Hoàng Phó Hiềng   | Phó Tổng Giám đốc |                         |
| - Ông Bùi Minh Tân      | Phó Tổng Giám đốc |                         |
| - Ông Phạm Xuân Phong   | Phó Tổng Giám đốc |                         |
| - Ông Nguyễn Trung Thực | Phó Tổng Giám đốc |                         |

(i) Ông Nguyễn Văn Hải được miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty theo Nghị quyết số 595/ĐLTKV-VP của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP ngày 15/04/2020.

Các thành viên của Ban kiểm soát của Tổng Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên:

Chức vụ:

- |                       |                          |
|-----------------------|--------------------------|
| - Ông Phạm Văn Thường | Trưởng ban kiểm soát     |
| - Bà Bùi Tố Uyên      | Thành viên ban kiểm soát |
| - Bà Bùi Thu Thái     | Thành viên ban kiểm soát |

**3. Trụ sở**

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở chính tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, Tổng Công ty có các chi nhánh phụ thuộc và các công ty con sau:

**Đơn vị trực thuộc**

1. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
2. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**Công ty con**

1. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
2. Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV, địa chỉ tại thôn Nông Sơn, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tỷ lệ góp vốn vào các công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Vốn góp của Tổng Công ty</i>	<i>Tỷ lệ góp vốn thực tế tại ngày 30/06/2020</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
<i>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV</i>	<i>1.904.864.804.235</i>	<i>96,7%</i>	<i>96,7%</i>
<i>Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV</i>	<i>124.279.500.000</i>	<i>88,77%</i>	<i>88,77%</i>

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ**

Đến thời điểm lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Tổng Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng Tổng Công ty đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 kết thúc vào ngày 30/06/2020 theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

13440  
CÔNG  
H NHIỆ  
PK  
VIỆT  
XUÂN



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2020

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Ngô Trí Thịnh**

540-  
TY  
HỮU  
F  
NAM  
- T.S



Số: 28 /2020/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2020

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP được lập ngày 15/08/2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 được trình bày từ trang 9 đến trang 52 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự bảo đảm rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



*[Handwritten signature in blue ink]*

**Đỗ Thị Ánh Tuyết**

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: Đ.0079-2018-242-1





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2020	01/01/2020
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.583.954.750.571</b>	<b>3.523.316.145.250</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>111.250.507.207</b>	<b>305.151.834.284</b>
Tiền	111		98.532.006.205	288.151.834.284
Các khoản tương đương tiền	112		12.718.501.002	17.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.155.513.178.621</b>	<b>2.926.314.963.653</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.097.101.717.719	2.878.045.470.171
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.768.356.916	4.761.907.270
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	45.808.417.071	43.658.522.868
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(570.345.902)	(555.969.473)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		405.032.817	405.032.817
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>241.467.596.868</b>	<b>202.104.176.570</b>
Hàng tồn kho	141		241.503.452.306	202.140.032.008
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(35.855.438)	(35.855.438)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>65.723.467.875</b>	<b>79.745.170.743</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	19.141.275.747	26.060.324.848
Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.476.496.179	43.147.387.295
Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	5.13	105.695.949	10.537.458.600
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17.514.872.350.407</b>	<b>18.408.687.559.121</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.714.437.000</b>	<b>9.773.677.378</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	9.714.437.000	9.773.677.378
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.151.104.761.620</b>	<b>15.995.264.965.109</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>5.8</b>	<b>15.113.687.819.983</b>	<b>15.956.245.370.816</b>
- Nguyên giá	222		33.336.611.510.890	33.317.701.024.345
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(18.222.923.690.907)	(17.361.455.653.529)
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>5.9</b>	<b>37.416.941.637</b>	<b>39.019.594.293</b>
- Nguyên giá	228		49.918.621.728	49.918.621.728
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(12.501.680.091)	(10.899.027.435)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.7</b>	<b>114.566.585.319</b>	<b>119.938.005.994</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		935.294.656	873.587.951
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		113.631.290.663	119.064.418.043
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>1.224.938.734.159</b>	<b>1.224.938.734.159</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.224.938.734.159	1.224.938.734.159
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.014.547.832.309</b>	<b>1.058.772.176.481</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	852.276.824.274	893.598.552.737
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		162.271.008.035	165.173.623.744
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>21.098.827.100.978</b>	<b>21.932.003.704.371</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2020	01/01/2020
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.882.827.632.156</b>	<b>14.436.513.114.189</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.405.675.342.989</b>	<b>6.208.826.405.190</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.106.337.061.501	2.131.039.495.436
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.182.827.820	638.701.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	109.906.896.100	151.935.966.002
Phải trả người lao động	314		62.732.750.971	91.150.885.652
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	542.617.095.233	639.302.077.798
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		1.323.371.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	533.316.890.527	26.364.975.348
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	2.980.074.154.288	3.128.955.578.257
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		15.851.080.031	-
Quý khen thưởng, phúc lợi	322		51.333.215.518	39.438.725.197
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.477.152.289.167</b>	<b>8.227.686.708.999</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	400.751.168.368	399.547.194.901
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	6.945.050.829.035	7.728.590.818.953
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.16	109.769.649.774	81.427.678.074
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.459.624.919	-
Quý phát triển khoa học và công nghệ	343		18.121.017.071	18.121.017.071
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7.215.999.468.822</b>	<b>7.495.490.590.182</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>7.215.999.468.822</b>	<b>7.491.536.733.131</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		<b>6.800.000.000.000</b>	<b>6.800.000.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		16.641.458	16.641.458
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.848.203.592)	(1.848.203.592)
Quý đầu tư phát triển	418		20.278.275.441	20.278.275.441
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		350.730.648.062	557.075.562.980
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.117.489.775	(4.424.284.279)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		342.613.158.287	561.499.847.259
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		46.822.107.453	116.014.456.844
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	<b>3.953.857.051</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	3.953.857.051
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>21.098.827.100.978</b>	<b>21.932.003.704.371</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà



Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>6.643.297.514.376</b>	<b>6.543.670.327.829</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>6.643.297.514.376</b>	<b>6.543.670.327.829</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	5.694.322.543.494	5.526.243.117.628
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>948.974.970.882</b>	<b>1.017.427.210.201</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	21.852.473.940	32.749.946.833
Chi phí tài chính	22	6.4	329.067.812.422	537.898.543.590
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		283.497.277.418	350.871.102.121
Chi phí bán hàng	25	6.7	1.127.349.594	1.232.119.333
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	140.317.045.947	128.947.268.368
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>500.315.236.859</b>	<b>382.099.225.743</b>
Thu nhập khác	31	6.5	611.015.620	7.801.491.017
Chi phí khác	32	6.6	1.492.045.146	2.011.087.234
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(881.029.526)</b>	<b>5.790.403.783</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>499.434.207.333</b>	<b>387.889.629.526</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	53.628.937.947	47.231.213.807
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		28.341.971.700	(6.299.900.356)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>417.463.297.686</b>	<b>346.958.316.075</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		337.641.978.287	342.269.494.090
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	62		79.821.319.399	4.688.821.985
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.10</b>	<b>497</b>	<b>503</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nhung



Nguyễn Thị Hà



Ngô Trí Thịnh



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		499.434.207.333	387.889.629.526
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		867.731.994.979	961.058.294.776
Các khoản dự phòng	03		15.865.456.460	7.056.017.698
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		27.620.681.787	179.501.398.700
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.307.179.553)	(32.049.172.765)
Chi phí lãi vay	06		283.497.277.418	350.871.102.121
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.661.842.438.424</b>	<b>1.854.327.270.056</b>
Tăng, Giảm các khoản phải thu	09		(222.050.697.252)	(580.939.213.353)
Tăng, Giảm hàng tồn kho	10		(36.460.804.589)	(59.902.271.195)
Tăng, Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(140.588.460.964)	684.227.355.113
Tăng, Giảm chi phí trả trước	12		48.240.777.564	35.982.610.686
Tiền lãi vay đã trả	14		(373.472.477.263)	(316.342.334.791)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(115.911.176.122)	(40.645.804.422)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		12.277.671.864	21.748.092.299
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(22.704.839.018)	(18.592.487.727)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>811.172.432.644</b>	<b>1.579.863.216.666</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS DH khác	21		(56.406.642.053)	(54.615.158.675)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		182.606.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.861.934.168	32.749.946.833
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(37.362.101.885)</b>	<b>(21.865.211.842)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	2.299.948.737.000	1.152.933.377.236
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.1	(3.266.687.978.258)	(2.744.469.103.168)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(972.423.500)	(533.138.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(967.711.664.758)</b>	<b>(1.592.068.864.432)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>				
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>305.151.834.284</b>	<b>371.544.949.314</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.922	36.691
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>111.250.507.207</b>	<b>337.474.126.397</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-Ttg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/07/2018 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng Công ty là 6.800.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông theo Điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2020 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,68%
2	Cổ đông khác	2.191.500	0,32%
<b>Cộng</b>		<b>680.000.000</b>	<b>100%</b>

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là Đầu tư xây dựng, khai thác, vận hành các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy thủy điện; Sản xuất điện; Mua bán điện; Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, Tổng công ty có các chi nhánh phụ thuộc và các công ty con sau:

**Đơn vị trực thuộc**

- Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
- Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**Công ty con**

1. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
2. Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV, địa chỉ tại Thôn Nông Sơn, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tỷ lệ góp vốn vào các công ty con

<b>Tên công ty</b>	<b>Vốn góp của Tổng Công ty</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn thực tế tại ngày 30/06/2020</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	1.904.864.804.235	96,7%	96,7%
Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV	124.279.500.000	88,77%	88,77%

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất để lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty.

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Tổng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP và các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con phải được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán "Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ, các công ty con trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn được thực hiện theo Công văn số 3418/TKV-KTTC ngày 01/07/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam, cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 23.090 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.300 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 23.300 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Theo hướng dẫn tại Văn bản số 7240/VPCP-KTTH ngày 12/07/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý chênh lệch tỷ giá của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả thì "Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ lũy kế đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả được phân bổ vào chi phí ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của khoản nợ đến hạn trả, số còn lại được theo dõi và phân bổ không quá 5 năm".

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4.5 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Tổng Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, vật tư và hàng hoá: được xác định theo các phương pháp nhập trước xuất trước và bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT - BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

**4.7.1 Tài sản cố định hữu hình**

***Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/04/2014***

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản đưa vào sử dụng trước ngày 01/04/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/08/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

***Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/04/2014***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng sau ngày 01/04/2014 bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Tổng công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 12 năm
- Thiết bị dụng cụ, quản lý	3 - 6 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

**4.7.2 Tài sản cố định vô hình**

***Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/04/2014***

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/04/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/08/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

***Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/04/2014***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng sau ngày 01/04/2014 bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
- Quyền sử dụng đất	8 - 50 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	6 năm

**4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.9 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Tổng công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**4.10 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

**4.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ, lỗ CLTG phân bổ không quá 5 năm, chi phí cấp quyền khai thác, chi phí giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.12 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Tổng Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.13 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**4.14 Dự phòng phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

**4.15 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Tổng Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Tổng Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0104297034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 16/07/2018, vốn điều lệ của Tổng Công ty (Công ty mẹ) là 6.800.000.000.000 đồng và được chia thành 680.000.000 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Theo điều lệ		Vốn góp thực tế tại 30/06/2020	Tỷ lệ góp vốn (%)
	Số cổ phần	Tiền (VND)		
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000	100%
Các cổ đông khác	2.191.500	21.915.000.000	21.915.000.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>680.000.000</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

**4.16 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Tổng Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được tính toán một cách tin cậy.

- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.17 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.

**4.18 Thuế**

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:** thể hiện tổng giá trị của số thuế thu nhập hiện hành và số thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.19 Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán,



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và tương đương tiền**

		<b>30/06/2020</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2020</b> <b>(VND)</b>
Tiền mặt tại quỹ	(i)	804.228.388	586.056.702
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	97.727.777.817	287.565.777.582
Các khoản tương đương tiền	(iii)	12.718.501.002	17.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>111.250.507.207</b>	<b>305.151.834.284</b>
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2020 bao gồm:			
		<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ			-
Đồng Việt Nam			804.228.388
<b>Cộng</b>			<b>804.228.388</b>
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2020 bao gồm:			
		<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ (USD)		462,10 #	10.669.878
Đồng Việt Nam			97.717.107.939
<b>Cộng</b>			<b>97.727.777.817</b>
 (iii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30/06/2020 bao gồm:			
		<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ (USD)			-
Đồng Việt Nam			12.718.501.002
<b>Cộng</b>			<b>12.718.501.002</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTPC**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
<b>Ngắn hạn</b>	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159	-	1.224.938.734.159
<u>Đầu tư vào đơn vị khác:</u>	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159	-	1.224.938.734.159
- Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	386.597.424.159	386.597.424.159	-	386.597.424.159
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	360.500.000.000	360.500.000.000	-	360.500.000.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	477.841.310.000	477.841.310.000	-	477.841.310.000
<b>Cộng</b>	<b>1.234.938.734.159</b>	<b>1.234.938.734.159</b>	<b>-</b>	<b>1.234.938.734.159</b>

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty mà Tổng công ty góp vốn tại ngày 30/06/2020**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Đầu tư vào đơn vị khác:</b>				
Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	Bình Thuận	5%	5%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	7,21%	7,21%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	10,62%	10,62%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.3 Phải thu khách hàng**

	<b>30/06/2020</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2020</b> <b>(VND)</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.097.101.717.719</b>	<b>2.878.045.470.171</b>
Công ty Mua bán điện	3.092.592.500.413	2.873.278.289.600
Các khách hàng khác	4.509.217.306	4.767.180.571
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.097.101.717.719</b>	<b>2.878.045.470.171</b>

Phải thu khách hàng là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.

**5.4 Phải thu khác**

	<b>30/06/2020</b> <b>(VND)</b>		<b>01/01/2020</b> <b>(VND)</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>45.808.417.071</b>	-	<b>43.658.522.868</b>	-
Tạm ứng	1.362.848.070	-	148.941.283	-
Phải thu người lao động	469.155.973	-	795.440.940	-
Phí bảo hiểm cháy nổ	9.716.431.875	-	-	-
Thuế GTGT tiền điện bán ra	9.791.168.690	-	10.455.224.150	-
Phải thu khác (i)	24.468.812.463	-	42.714.140.645	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>9.714.437.000</b>	-	<b>9.773.677.378</b>	-
Ký cược, ký quỹ	9.714.437.000	-	9.773.677.378	-
<b>Cộng</b>	<b>55.522.854.071</b>	-	<b>53.432.200.246</b>	-

(i) Phải thu khác tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

	<b>30/06/2020</b> <b>(VND)</b>
Phải thu tiền vật tư nhà thầu SEFCO	4.620.320.545
Lãi ký quỹ ngắn hạn	1.368.109.711
Các khoản khác	18.480.382.207
<b>Cộng</b>	<b>24.468.812.463</b>

Phải thu khác là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.5 Nợ xấu**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	<b>588.730.341</b>	<b>18.384.439</b>	<b>561.944.616</b>	<b>5.975.143</b>
Từ 3 năm trở lên	551.961.462	-	534.413.831	-
Công ty CP Dịch vụ thương mại Á Châu	459.574.000	-	459.574.000	-
Trung tâm nghiên cứu, TK ứng dụng CN mới	72.660.000	-	72.660.000	-
Đối tượng khác	19.727.462	-	2.179.831	-
Từ 2 đến 3 năm	8.535.919	4.267.959	26.707.919	5.975.143
Công ty CP SX và TM Nhất Thành Phát	-	-	18.172.000	-
Đối tượng khác	8.535.919	4.267.959	8.535.919	5.975.143
Từ 1 đến 2 năm	28.232.960	14.116.480	822.866	-
Công ty TNHH May mặc NC Sơn Lộc	28.232.960	14.116.480	-	-
Đối tượng khác	-	-	822.866	-



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	198.851.280.604	(35.855.438)
Công cụ, dụng cụ	20.559.538.344	-
Chi phí SXKD dở dang	21.289.110.785	-
Thành phẩm	803.522.573	-
<b>Cộng</b>	<b>241.503.452.306</b>	<b>(35.855.438)</b>

**5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>935.294.656</b>	<b>873.587.951</b>
Dịch vụ kỹ thuật	935.294.656	873.587.951
<b>b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>113.631.290.663</b>	<b>119.064.418.043</b>
- Xây dựng cơ bản	106.318.976.018	92.810.215.752
Xây dựng bãi thải xỉ NMMĐ Na Dương giai đoạn 2011 - 2012 (nay là giai đoạn 2013 - 2015)	23.659.039.307	23.659.039.307
Dự án nhà máy nhiệt điện Na Dương 2	30.479.252.361	30.192.553.413
Dự án Nâng cấp hệ thống điều khiển tự động Tổ máy S2 (NMMĐ Cẩm Phả)	17.462.850.187	17.459.614.687
Đầu tư các Thiết bị hệ thống phân tích mẫu hơi nước tự động tổ máy S1	12.358.279.720	352.000
Dự án khác	22.359.554.443	21.498.656.345
- Chi phí sửa chữa lớn	7.312.314.645	26.254.202.291
<b>Cộng</b>	<b>114.566.585.319</b>	<b>119.938.005.994</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	9.284.414.442.854	23.373.134.950.522	336.284.644.453	56.108.161.147	267.758.825.369	33.317.701.024.345
- Mua trong kỳ	-	242.272.727	-	-	-	242.272.727
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.295.451.054	19.614.306.427	-	-	5.367.673	22.915.125.154
- Tăng khác	322.930.232	(8.602.140.490)	8.949.101.313	318.108.520	865.734.697	1.853.734.272
- Thanh lý, nhượng bán	(38.220.000)	(1.103.865.691)	(4.186.596.872)	-	-	(5.328.682.563)
- Giảm khác	(33.022.213)	(415.540.832)	-	(323.400.000)	-	(771.963.045)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.287.961.581.927</b>	<b>23.382.869.982.663</b>	<b>341.047.148.894</b>	<b>56.102.869.667</b>	<b>268.629.927.739</b>	<b>33.336.611.510.890</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu kỳ	2.876.907.962.448	13.893.892.969.524	291.385.732.694	53.444.902.181	245.824.086.682	17.361.455.653.529
- Khấu hao trong kỳ	219.744.560.159	622.386.355.630	12.940.598.249	838.843.694	10.218.984.591	866.129.342.323
- Hao mòn trong kỳ	141.317.666	-	-	-	526.059.952	667.377.618
- Tăng khác	237.332.110	-	-	19.874.137	266.233.265	523.439.512
- Thanh lý, nhượng bán	(38.220.000)	(1.103.865.691)	(4.186.596.872)	-	-	(5.328.682.563)
- Giảm khác	(266.233.265)	(257.206.247)	-	-	-	(523.439.512)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.096.726.719.118</b>	<b>14.514.918.253.216</b>	<b>300.139.734.071</b>	<b>54.303.620.012</b>	<b>256.835.364.490</b>	<b>18.222.923.690.907</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	6.407.506.480.406	9.479.241.980.998	44.898.911.759	2.663.258.966	21.934.738.687	15.956.245.370.816
Tại ngày cuối kỳ	6.191.234.862.809	8.867.951.729.447	40.907.414.823	1.799.249.655	11.794.563.249	15.113.687.819.983

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý:

5.600.711.637.706  
 2.338.418.999.134  
 30.915.909.375



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.9 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	40.227.878.920	8.282.748.811	1.407.993.997	49.918.621.728
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>40.227.878.920</b>	<b>8.282.748.811</b>	<b>1.407.993.997</b>	<b>49.918.621.728</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư đầu kỳ	5.475.900.522	4.829.025.396	594.101.517	10.899.027.435
- Khấu hao trong kỳ	773.487.856	624.285.281	204.879.519	1.602.652.656
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.249.388.378</b>	<b>5.453.310.677</b>	<b>798.981.036</b>	<b>12.501.680.091</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu kỳ	<b>34.751.978.398</b>	<b>3.453.723.415</b>	<b>813.892.480</b>	<b>39.019.594.293</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>33.978.490.542</b>	<b>2.829.438.134</b>	<b>609.012.961</b>	<b>37.416.941.637</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.927.625.579

**5.10 Chi phí trả trước**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>19.141.275.747</b>	<b>26.060.324.848</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.061.389.401	11.756.612.305
Chi phí bảo hiểm	4.181.431.304	623.025.942
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.898.455.042	13.680.686.601
<b>b. Dài hạn</b>	<b>852.276.824.274</b>	<b>893.598.552.737</b>
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều năm	24.147.270.303	28.654.024.056
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	198.064.569.183	242.871.599.929
Chi phí giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình	26.462.521.006	27.005.656.390
Lỗi chênh lệch tỷ giá phân bổ không quá 5 năm	581.895.799.972	581.895.799.972
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.706.663.810	13.171.472.390
<b>Cộng</b>	<b>871.418.100.021</b>	<b>919.658.877.585</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTPC**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.11 Phải trả người bán**

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.106.337.061.501</b>	<b>2.106.337.061.501</b>	<b>2.131.039.495.436</b>	<b>2.131.039.495.436</b>
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	1.072.416.588.808	1.072.416.588.808	883.178.627.715	883.178.627.715
Tổng Công ty Đông Bắc	220.752.889.773	220.752.889.773	205.212.032.223	205.212.032.223
Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	5.197.582.538	5.197.582.538	724.550.015	724.550.015
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5 Tổng Công ty Sông Đà	397.995.274.876	397.995.274.876	433.320.772.952	433.320.772.952
Nhà thầu Tổng Công ty thiết bị nặng Trung Quốc (DA NS)	142.605.424.850	142.605.424.850	142.176.996.535	142.176.996.535
LD HydroChina HuaDong và Tianjin Alstom Hydro	10.557.541.055	10.557.541.055	10.525.823.121	10.525.823.121
Công ty TNHH thương mại và thiết bị điện máy Tân Dương	6.200.659.629	6.200.659.629	68.340.024.355	68.340.024.355
Phải trả các đối tượng khác	250.611.099.972	250.611.099.972	387.560.668.520	387.560.668.520
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>400.751.168.368</b>	<b>400.751.168.368</b>	<b>399.547.194.901</b>	<b>399.547.194.901</b>
Nhà thầu SFECO	400.751.168.368	400.751.168.368	399.547.194.901	399.547.194.901
<b>Cộng</b>	<b>2.507.088.229.869</b>	<b>2.507.088.229.869</b>	<b>2.530.586.690.337</b>	<b>2.530.586.690.337</b>

Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTPC**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2020 (VND)		30/06/2020 (VND)			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a.						
Gốc vay và nợ ngắn hạn	982.255.288.530	982.255.288.530	1.906.814.550.000	1.847.335.288.530	1.041.734.550.000	1.041.734.550.000
a.1						
Gốc vay ngắn hạn	982.255.288.530	982.255.288.530	1.906.814.550.000	1.847.335.288.530	1.041.734.550.000	1.041.734.550.000
Vay ngân hàng	982.255.288.530	982.255.288.530	1.906.814.550.000	1.847.335.288.530	1.041.734.550.000	1.041.734.550.000
Vay đối tượng khác	-	-	-	-	-	-
a.2						
Gốc nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
b.						
Gốc vay và nợ dài hạn	9.875.291.108.680	9.875.291.108.680	525.574.231.494	1.517.474.906.851	8.883.390.433.323	8.883.390.433.323
b.1						
Gốc vay dài hạn	8.915.291.108.680	8.915.291.108.680	525.574.231.494	1.207.474.906.851	8.233.390.433.323	8.233.390.433.323
-						
Từ 1 năm đến 5 năm	36.691.487.534	36.691.487.534	21.594.187.000	8.126.701.188	50.158.973.346	50.158.973.346
Vay ngân hàng	36.691.487.534	36.691.487.534	21.594.187.000	8.126.701.188	50.158.973.346	50.158.973.346
-						
Trên 5 năm	8.878.599.621.146	8.878.599.621.146	503.980.044.494	1.199.348.205.663	8.183.231.459.977	8.183.231.459.977
Vay ngân hàng	4.330.121.722.717	4.330.121.722.717	421.664.750.000	420.317.954.300	4.331.468.518.417	4.331.468.518.417
Vay Tập đoàn	4.548.477.898.429	4.548.477.898.429	82.315.294.494	779.030.251.363	3.851.762.941.560	3.851.762.941.560
b.2						
Gốc nợ dài hạn	960.000.000.000	960.000.000.000	-	310.000.000.000	650.000.000.000	650.000.000.000
-						
Từ 5 năm đến 10 năm	960.000.000.000	960.000.000.000	-	310.000.000.000	650.000.000.000	650.000.000.000
Trái phiếu phát hành (*)	960.000.000.000	960.000.000.000	-	310.000.000.000	650.000.000.000	650.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.857.546.397.210</b>	<b>10.857.546.397.210</b>	<b>2.432.388.781.494</b>	<b>3.364.810.195.381</b>	<b>9.925.124.983.323</b>	<b>9.925.124.983.323</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

	01/01/2020 (VND)		30/06/2020 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>2.146.700.289.727</b>	<b>2.146.700.289.727</b>	<b>1.938.339.604.288</b>	<b>1.938.339.604.288</b>
<b>c.1 Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.586.700.289.727</b>	<b>1.586.700.289.727</b>	<b>1.618.339.604.288</b>	<b>1.618.339.604.288</b>
Vay ngân hàng	775.497.248.487	775.497.248.487	804.692.128.572	804.692.128.572
Vay Tập đoàn	811.203.041.240	811.203.041.240	813.647.475.716	813.647.475.716
<b>c.2 Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>560.000.000.000</b>	<b>560.000.000.000</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>320.000.000.000</b>
Vay ngân hàng	560.000.000.000	560.000.000.000	320.000.000.000	320.000.000.000
<b>d. Số dư tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>10.857.546.397.210</b>	<b>10.857.546.397.210</b>	<b>9.925.124.983.323</b>	<b>9.925.124.983.323</b>
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	3.128.955.578.257	3.128.955.578.257	2.980.074.154.288	2.980.074.154.288
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	7.728.590.818.953	7.728.590.818.953	6.945.050.829.035	6.945.050.829.035

Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

(\*) Số dư trái phiếu phát hành tại ngày 30/06/2020 gồm:

- Trái phiếu phát hành năm 2015:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 560.000.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tỷ đồng) đảm bảo thanh toán bằng tài sản, phát hành ngày 29 tháng 12 năm 2015 và đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2020; Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 1% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 5.376.000.000 đồng (năm tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng) được phân bổ dần trong 05 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trái phiếu phát hành lần này được bán cho Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (500 trái phiếu) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (60 trái phiếu).

Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 29 tháng 12 năm 2015 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 29 tháng 12 năm 2020 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 29/6 và ngày 29/12 hàng năm, với mức lãi suất áp dụng như sau:

+ Lãi suất năm đầu tiên của trái phiếu là 8%/ năm;

+ Lãi suất các năm sau bằng tổng của 2,5%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, năm hạn 12 tháng áp dụng cho cá nhân được công bố tại các trang web của 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

- Trái phiếu phát hành năm 2018:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 400.000.000.000 tỷ đồng (Bốn trăm tỷ đồng) được đảm bảo bằng tài sản. Phát hành ngày 31/7/2018 và đáo hạn ngày 31/7/2025. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Trái chủ (Ngân hàng TMCP Tiên Phong) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 31 tháng 7 năm 2018 cho đến nhưng không bao gồm ngày 31 tháng 7 năm 2025 (ngày đáo hạn) và được trả 6 tháng 1 lần vào ngày 31/7 và 31/1 hàng năm với mức lãi suất áp dụng như sau:

+ Lãi suất kỳ đầu tiên là 9,8%/năm.

+ Lãi suất các kỳ sau tổng của 3,1%/năm và trung bình cộng lãi suất lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, áp dụng với cá nhân, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho cá nhân công bố tại trang Web của 04 ngân hàng lớn của Việt nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam vào 11h00 tại ngày xác định lãi suất.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.13 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2020 (VND)
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	21.966.393.264	195.176.002.656	177.877.176.853	39.265.219.067
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	115.911.176.122	53.628.937.947	115.911.176.122	53.628.937.947
Thuế thu nhập cá nhân	863.016.532	2.059.667.069	2.494.994.162	427.689.439
Thuế tài nguyên	7.790.505.955	34.161.131.053	33.247.508.120	8.704.128.888
Thuế đất và tiền thuế đất	-	3.117.929.678	2.925.184.128	192.745.550
Các loại thuế khác	651.174.402	2.735.982.345	3.387.156.747	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.753.699.727	17.526.045.043	14.591.569.561	7.688.175.209
<b>Cộng</b>	<b>151.935.966.002</b>	<b>308.405.695.791</b>	<b>350.434.765.693</b>	<b>109.906.896.100</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	10.361.102.704	10.361.102.704	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	117.669.135	392.636.038	351.662.569	76.695.666
Các loại thuế khác	54.911.989	30.000.000	-	24.911.989
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.774.772	-	313.522	4.088.294
<b>Cộng</b>	<b>10.537.458.600</b>	<b>10.783.738.742</b>	<b>351.976.091</b>	<b>105.695.949</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.14 Chi phí phải trả**

	<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>542.619.528.795</b>	<b>639.302.077.798</b>
Chi phí lãi vay phải trả	482.324.037.167	572.299.237.012
Lãi chậm trả tiền than	40.502.909.482	45.502.909.482
Chi phí phải trả khác	19.790.148.584	21.499.931.304
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>542.617.095.233</u></b>	<b><u>639.302.077.798</u></b>

Chi phí phải trả là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.

**5.15 Phải trả khác**

	<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>533.316.890.527</b>	<b>26.364.975.348</b>
Thưởng an toàn điện	229.527.901	10.674.694.857
Nhà thầu SFECO	4.322.434.076	4.322.434.076
Phải trả cổ tức cho cổ đông	509.836.118.750	-
Các khoản khác	18.928.809.800	11.367.846.415
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>533.316.890.527</u></b>	<b><u>26.364.975.348</u></b>

Phải trả khác là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.

**5.16 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (VND)</b>	<b><u>109.769.649.774</u></b>	<b><u>81.427.678.074</u></b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		LICĐ không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	6.800.000.000.000	-	16.641.257	(1.848.203.592)	20.278.070.151	410.192.624.347	115.110.912.963	7.343.750.045.126						
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	201	-	205.290	-	-	205.491	-	-	-	-	-	205.491
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	561.499.847.259	1.463.465.093	562.963.312.352	-	-	-	-	-	562.963.312.352
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(414.616.908.626)	(559.921.212)	(415.176.829.838)	-	-	-	-	-	(415.176.829.838)
<b>Số dư cuối năm trước/ đầu kỳ này</b>	6.800.000.000.000	-	16.641.458	(1.848.203.592)	20.278.275.441	557.075.562.980	116.014.456.844	7.491.536.733.131						
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	337.641.978.287	79.596.564.498	417.238.542.785	-	-	-	-	-	417.238.542.785
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(543.986.893.205)	(148.788.913.889)	(692.775.807.094)	-	-	-	-	-	(692.775.807.094)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	6.800.000.000.000	-	16.641.458	(1.848.203.592)	20.278.275.441	350.730.648.062	46.822.107.453	7.215.999.468.822						



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>30/06/2020</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2020</b> <b>(VND)</b>
Vốn của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000
Vốn của đối tượng khác	21.915.000.000	21.915.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	<b>6.800.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Từ 01/01/2020</b> <b>đến 30/06/2020</b> <b>(VND)</b>	<b>Từ 01/01/2019</b> <b>đến 30/06/2019</b> <b>(VND)</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn đầu kỳ	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
Vốn tăng trong kỳ	-	-
Vốn giảm trong kỳ	-	-
Vốn cuối kỳ	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>972.423.500</b>	<b>533.138.500</b>

**Cổ phiếu**

	<b>30/06/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>Số lượng CP đăng ký phát hành</b>	<b>680.000.000</b>	<b>680.000.000</b>
<b>Số lượng CP đã bán ra công chúng</b>	<b>680.000.000</b>	<b>680.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>680.000.000</b>	<b>680.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng	6.606.719.783.872	6.530.918.534.396
Doanh thu khác	36.577.730.504	12.751.793.433
<b>Cộng</b>	<b>6.643.297.514.376</b>	<b>6.543.670.327.829</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Giá vốn hàng bán	5.660.112.374.096	5.521.847.474.052
Giá vốn khác	34.210.169.398	4.395.643.576
<b>Cộng</b>	<b>5.694.322.543.494</b>	<b>5.526.243.117.628</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	836.934.168	5.011.672.765
Tiền cổ tức và lợi nhuận được chia	18.025.000.000	27.037.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.841.665.617	520.410.862
Doanh thu tài chính khác	148.874.155	180.363.206
<b>Cộng</b>	<b>21.852.473.940</b>	<b>32.749.946.833</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lãi tiền vay	283.497.277.418	350.871.102.121
Chênh lệch tỷ giá	35.878.593.622	180.957.262.211
Chi phí tài chính khác	9.691.941.382	7.512.179.258
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(1.442.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>329.067.812.422</b>	<b>537.898.543.590</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6.5 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Thu từ bồi thường thiệt hại tài sản	-	5.425.116.839
Các khoản khác	611.015.620	2.376.374.178
<b>Cộng</b>	<b>611.015.620</b>	<b>7.801.491.017</b>

**6.6 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Các khoản khác	1.492.045.146	2.011.087.234
<b>Cộng</b>	<b>1.492.045.146</b>	<b>2.011.087.234</b>

**6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>140.317.045.947</b>	<b>128.947.268.368</b>
Chi phí nhân viên quản lý	72.680.544.392	61.808.208.252
Chi phí khấu hao	12.314.169.652	10.901.859.017
Dịch vụ mua ngoài	15.543.945.069	6.573.194.155
Các khoản khác	39.778.386.834	49.664.006.944
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>1.127.349.594</b>	<b>1.232.119.333</b>
Chi phí nhân viên	156.135.000	298.175.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	434.900.492	380.723.905
Các khoản khác	536.314.102	553.220.428
<b>Cộng</b>	<b>141.444.395.541</b>	<b>130.179.387.701</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.463.617.268.051	4.228.471.158.281
Chi phí nhân công	210.491.004.974	201.841.744.157
Chi phí khấu hao TSCĐ	866.417.731.852	959.909.809.132
Thuế, phí và lệ phí	32.931.984.226	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.840.571.419	119.301.718.852
Chi phí khác bằng tiền	128.123.327.750	150.364.961.763
<b>Cộng</b>	<b>5.838.421.888.272</b>	<b>5.659.889.392.185</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	53.628.937.947
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-
<b>Cộng</b>	<b>53.628.937.947</b>

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ	337.641.978.287
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	680.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>497</b>

**7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**7.1 Số tiền thực thu, thực trả trong kỳ**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.299.948.737.000 đồng
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	3.266.687.978.258 đồng

**8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Công cụ tài chính**

Tổng công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tổng Công ty.

Tổng công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Tổng Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Tổng Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu*

Cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty đầu tư cổ phiếu vào một số dự án điện nhiệt điện có cùng các rủi ro. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn và chưa được niêm yết nên Tổng Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Tổng Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Tổng Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 30/06/2020</b>			
<b>Giá trị ghi số:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.250.507.207	-	111.250.507.207
Phải thu khách hàng	3.097.101.717.719	-	3.097.101.717.719
Đầu tư	10.000.000.000	1.224.938.734.159	1.234.938.734.159
Phải thu khác	45.808.417.071	9.714.437.000	55.522.854.071
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(570.345.902)	-	(570.345.902)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.263.590.296.095</b>	<b>1.234.653.171.159</b>	<b>4.498.243.467.254</b>
<b>Ngày 30/06/2020</b>			
Các khoản vay và nợ	2.980.074.154.288	6.945.050.829.035	9.925.124.983.323
Phải trả người bán	2.106.337.061.501	400.751.168.368	2.507.088.229.869
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	1.138.666.736.731	-	1.138.666.736.731
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.225.077.952.520</b>	<b>7.345.801.997.403</b>	<b>13.570.879.949.923</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.961.487.656.425)</b>	<b>(6.111.148.826.244)</b>	<b>(9.072.636.482.669)</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 01/01/2020</b>	-	-	-
<b>Giá trị ghi số:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	305.151.834.284	-	305.151.834.284
Phải thu khách hàng	2.878.045.470.171	-	2.878.045.470.171
Đầu tư	10.000.000.000	1.224.938.734.159	1.234.938.734.159
Phải thu về cho vay	-	-	-
Phải thu khác	43.129.602.868	9.773.677.378	52.903.280.246
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(555.969.473)	-	(555.969.473)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.235.770.937.850</b>	<b>1.234.712.411.537</b>	<b>4.470.483.349.387</b>
<b>Ngày 01/01/2020</b>			
Phải trả người bán	2.131.039.495.436	399.547.194.901	2.530.586.690.337
Phải trả, phải nộp và chi phí phải trả	756.817.938.798	-	756.817.938.798
Các khoản vay và nợ	3.128.955.578.257	7.728.590.818.953	10.857.546.397.210
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.016.813.012.491</b>	<b>8.128.138.013.854</b>	<b>14.144.951.026.345</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.781.042.074.641)</b>	<b>(6.893.425.602.317)</b>	<b>(9.674.467.676.958)</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

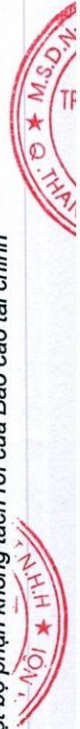
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.234.938.734.159	1.234.938.734.159	1.234.938.734.159	1.234.938.734.159
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	3.097.101.717.719	2.878.045.470.171	3.097.101.717.719	2.878.045.470.171
<i>Các khoản PT khác</i>	55.522.854.071	52.347.310.773	55.522.854.071	52.347.310.773
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	111.250.507.207	305.151.834.284	111.250.507.207	305.151.834.284
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.498.813.813.156</b>	<b>4.470.483.349.387</b>	<b>4.498.813.813.156</b>	<b>4.470.483.349.387</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	9.925.124.983.323	756.817.938.798	9.925.124.983.323	756.817.938.798
Phải trả người bán	2.507.088.229.869	2.530.586.690.337	2.507.088.229.869	2.530.586.690.337
Phải trả khác	1.138.666.736.731	10.857.546.397.210	1.138.666.736.731	10.857.546.397.210
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.570.879.949.923</b>	<b>14.144.951.026.345</b>	<b>13.570.879.949.923</b>	<b>14.144.951.026.345</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trong yếu tố giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**8.2 Báo cáo bộ phận**

Tổng Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Doanh thu than, Doanh thu điện và Doanh thu khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Than VND	Điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019</b>				
Doanh thu	92.340.971.760	6.438.577.562.636	12.751.793.433	6.543.670.327.829
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	52.638.609.944	5.469.208.864.108	4.395.643.576	5.526.243.117.628
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>39.702.361.816</b>	<b>969.368.698.528</b>	<b>8.356.149.857</b>	<b>1.017.427.210.201</b>
<b>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020</b>				
Doanh thu	98.076.241.990	6.508.643.541.882	36.577.730.504	6.643.297.514.376
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	60.970.287.893	5.599.142.086.203	34.210.169.398	5.694.322.543.494
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>37.105.954.097</b>	<b>909.501.455.679</b>	<b>2.367.561.106</b>	<b>948.974.970.882</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chỉ phát sinh tại khu vực nội địa nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

**8.3 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan**

Số dư tại ngày 30/06/2020 và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Báo cáo vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua, bán với các bên liên quan.
- Phụ biểu 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan.

Thu nhập trong kỳ tài chính được bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.981.124.714
Thù lao của Hội đồng Quản trị	77.760.000
Thù lao của Ban kiểm soát	48.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.106.884.714</b>

**8.4 Sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét bị phản ánh sai lệch.

**8.5 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2020

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**Nguyễn Hồng Nhung**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Hà**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Ngô Trí Thịnh**



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Phụ biểu 01

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**TỔNG HỢP MUA BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA BÁN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

ĐVT: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ		Giá trị bán trong kỳ	
		Nội dung	Giá trị	Nội dung	Giá trị
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm phả - Vinacomin	Mua than	883.254.448.228	DV giao nhận than	585.318.690
2	Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	Mua hóa chất	3.761.293.340		-
3	Công ty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	Mua vật tư	951.608.558		-
4	Bệnh viện Than - Khoáng sản	Dịch vụ khám sức khỏe	230.074.700		-
5	Viện Cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	Mua vật tư	2.943.143.999		-
6	Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	Dịch vụ đào tạo	329.610.000		-
7	Công ty Kho vận Đá bạc - Vinacomin	Mua than	1.247.489.127.193		-
8	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	Cung cấp dịch vụ	534.020.120		-
9	Công ty CP Tin Học, Công Nghệ, Môi trường - Vinacomin	Mua dịch vụ	197.818.773		-
10	Trường cao đẳng nghề Than - Khoáng sản Việt Nam	Kinh phí huấn luyện	-		-
11	Tạp chí Than - Khoáng sản Việt Nam	Quảng cáo	-		-
12	Công ty CP Du lịch & Thương mại - Vinacomin	Dịch vụ du lịch	-		-
13	Công ty CP VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	Mua vật liệu	13.321.661.732		-
14	Công ty CP Vật tư - TKV	Dầu, bảo hộ LĐ	44.670.003.582		-
15	Công ty Than Na Dương - VVMI		-	Bán điện	154.972.206
16	Chi nhánh Công ty CP Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai		988.900.556		-
17	Công ty Than Núi Hồng - VVMI		-	Bán điện	686.870.529



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Phụ biểu 01

**TỔNG HỢP MUA BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA BÁN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

ĐVT: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ		Giá trị bán trong kỳ	
		Nội dung	Giá trị	Nội dung	Giá trị
A	B	1	2	3	4
18	Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI				
19	Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin		76.160.000	- Bán điện	242.892.822
20	Công ty CP Tư vấn Đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin		192.537.964		-
21	Công ty công nghiệp hoá chất mỏ Quảng Ninh		2.529.876.800		-
	<b>Cộng</b>		<b>2.201.470.285.545</b>		<b>1.670.054.247</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Phụ biểu 02

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

TT	Tên đơn vị	Cộng nợ				Đơn vị: VND
		131	138	331	335	
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI THU</b>					
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>1.892.613.266</b>	<b>558.920.000</b>	<b>134.806.358</b>		
1	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin	-	528.920.000	-	-	-
2	Công ty Than Na Dương - VVMI	66.860.741	-	-	-	-
3	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	135.304.663	-	-	-	-
4	Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI	95.263.051	-	-	-	-
5	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	51.058.491	-	-	-	-
6	Cơ quan tập đoàn	-	30.000.000	-	-	-
7	Công ty CP Cơ khí Mạo Khê	1.544.126.320	-	-	-	-
8	Trường Quản trị kinh doanh	-	-	134.806.358	-	-
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>					
	<b>CỘNG</b>	<b>1.892.613.266</b>	<b>558.920.000</b>	<b>134.806.358</b>		
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>600.000.000</b>		<b>1.121.978.525.546</b>	<b>433.284.613.199</b>	<b>813.647.475.716</b>
1	Công ty Kho Vận Và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	-	1.072.416.588.808	-	-
2	Công ty CP Tin Học, Công Nghệ, Môi trường - Vinacomin	-	-	217.600.650	-	-
3	Công ty Cổ phần Vật Tư - TKV	-	-	31.325.159.445	-	-
4	Công ty CP công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	-	998.790.301	-	-
5	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	-	71.699.935	-	-
6	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	-	-	1.562.197.945	-	-
7	Công ty Kho vận đá bạc - Vinacomin	-	-	5.197.582.538	-	-
8	Công ty Cổ phần Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	-	-	4.952.750	-	-
9	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	-	-	283.846.200	-	-
10	Tổng Công ty CN Hóa chất mỏ - Vinacomin	-	-	1.159.342.272	-	-
11	Trường Quản trị kinh doanh Vinacomin	-	-	445.155.358	-	-



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTPC**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Phụ biểu 02

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

TT	Tên đơn vị	Công nợ				Đơn vị: VND
		131	138	331	335	
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>341</b>
12	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu than - Vinacommin	-	-	1.038.067.272	-	7
13	Công ty Tư vấn quản lý dự án	-	-	819.308.455	-	-
14	Công ty Công nghiệp hoá chất mỏ Quảng Ninh	-	-	721.431.590	-	-
15	Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacommin	-	-	46.376.000	-	-
16	Công ty CP Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp - Vinacommin	-	-	211.791.761	-	-
17	Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTPC	-	-	5.100.925.284	-	-
18	Bệnh viện Than - Khoáng sản	-	-	118.678.100	-	-
19	Chi nhánh Công ty CP Vật tư - TKV - Xi nghiệp Vật tư Hòn Gai	-	-	195.272.233	-	-
20	Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc -	-	-	43.758.649	-	-
21	Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	600.000.000	-	-	433.284.613.199	12.275.816.122
					1.353.371.000	813.647.475.716
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>					
1	Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	-	-	-
	<b>CỘNG</b>	<b>600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.121.978.525.546</b>	<b>433.284.613.199</b>	<b>12.275.816.122</b>
						<b>3.038.115.465.844</b>
						<b>3.038.115.465.844</b>
						<b>3.851.762.941.560</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nhung

Nguyễn Thị Hà

Ngô Trí Thịnh